TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-PT
Ngày 24 - 02 - 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Tăng

Ông Phạm Trung Thực

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Ông Hoàng Văn Hưng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 và 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp thừa kế.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Xuân K, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số 16 Ngõ 54 Mạc Thị B, phường V, quận H, Thành phố HN; *"có mặt"*

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1967; Địa chỉ: thôn G, xã Q, huyện A, tỉnh H;*"có mặt"*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1933; *"vắng mặt"*

2. Bà Hoàng Thị G, sinh năm 1961; *"có mặt"*

3. Bà Trần Thị H, sinh năm 1972; *"vắng mặt"*

Đều địa chỉ: thôn G, xã Q, huyện A, tỉnh H.

4. Ông Hoàng Xuân N, sinh năm 1952; Địa chỉ: Phòng 313 B15 Lương Đình Của, phường K, quận Đ, Thành phố HN; *"có mặt"*

5. Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1957; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh H; *"có mặt"*

6. Bà Hoàng Thị Ch, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 14 Ngõ 14 đường T, phường L, quận K, thành phố HP

7. Ông Hoàng Văn Tr, sinh năm 1968; *"vắng mặt"*

8. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1966; *"vắng mặt"*

Đều địa chỉ: thôn G, xã Q, huyện A, tỉnh H

Người đại diện theo ủy quyền của bà trần Thị H: Ông Hoàng văn Th, sinh năm 1967; Địa chỉ: thôn G, xã Q, huyện A, tỉnh HY; *"có mặt"*

- *Người làm chứng*: Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1937; Địa chỉ: thôn G, xã Q, huyện A, tỉnh HY; *"vắng mặt"*

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Hoàng Xuân K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 02 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hoàng Văn K trình bày: Bố mẹ ông là cụ Hoàng Văn T và cụ Nguyễn Thị M sinh được 07 người con gồm: Ông Hoàng Văn Đ, Ông Hoàng Xuân N, ông Hoàng Xuân K, Bà Hoàng Thị Th, bà Hoàng Thị Gắn, Bà Hoàng Thị Ch, và ông Hoàng văn Th; các cụ không có con riêng hay con nuôi nào khác. Khi còn sống, các cụ có mảnh đất diện tích hơn 1000m^2 ở thôn Gia Cốc, xã Quang Vinh, trên đất có 04 gian nhà ngói, xây tường gạch. Năm 1997, các cụ đã tách diện tích đất 443m^2 cho ông Th, còn lại 890m^2. Việc tách đất cho ông Th, anh em không có ý kiến gì, nhất trí với quan điểm của bố mẹ. Cụ T chết năm 2000, cụ M chết năm 2014 đều không để lại di chúc. Năm 2013, ông Th đã tự ý phá bỏ toàn bộ 04 gian nhà mái ngói và chặt một số cây trồng trên đất của các cụ. Ngày giỗ của bố mẹ, ông về thắp hương thì ông Th không cho vào và có nói toàn bộ diện tích đất của bố mẹ đã đứng tên ông ấy trên bản đồ, có sổ đỏ. Do không hòa giải được nên ông khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế là diện tích đất 890m^2 của cụ T và cụ M theo quy định.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, ông K bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét chia thừa kế đối với diện tích đất 443m^2 đã tách cho ông Th năm 1997 vì ông Th không có căn cứ chứng minh việc cụ T và cụ M cho đất.

Bị đơn là ông Hoàng văn Th trình bày: Cụ T và cụ M có mảnh đất diện tích 890m^2 theo bản đồ năm 1986 nằm trên 02 thửa đất, cụ thể thửa 113 có diện tích 180m^2, thửa 114 có diện tích 710m^2 nguồn gốc đất là do các cụ tự tạo lập được. Trên đất có 03 gian nhà xây cấp 4 và 02 gian bếp nhà tranh vách đất. Năm 1993, do diện tích đất ở của cụ T và cụ M bị thừa 216m^2 nên lúc đó xã đã trừ vào suất ruộng tiêu chuẩn của ông 216m^2. Năm 1995, do phần đất vườn thấp nên vợ chồng ông có tôn tạo nền và vượt lấp thêm ra phần đất ao của tập thể nên đất hiện nay có tổng diện tích là 1.291m^2. Năm 1997, cụ T và cụ M tuyên bố trước các anh chị em trong gia đình cho ông 443m^2 đất, như vậy tổng số đất ông được hưởng và sử dụng là 659m^2. Diện tích đất còn lại 231m^2 các cụ cho Bà Ch vì lúc đó Bà Ch chưa đi xây dựng gia đình, đến năm 1999 Bà Ch đi lấy chồng thì phần đất cho Bà Ch trước đây do ông sử dụng. Năm 2012, vợ chồng ông đã phá dỡ nhà đi để làm vườn, đồng thời xây nhà và công trình phụ ở vị trí khác trên mảnh đất, lúc đó cụ M còn sống, các anh chị em trong gia đình đều biết và không ai có ý kiến gì. Ngoài ra trên đất các cụ có trồng mấy cây nhãn, nhưng hiện nay chỉ còn 01 cây, mấy cây khác bị chết. Khoảng năm 2018, ông có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Hoàng Văn Tr ở cạnh nhà diện tích đất khoảng 60m^2 với giá 15.000.000 đồng để nhà ông Tr làm chỗ thoát nước và năm 2015 ông có chuyển nhượng cho ông Quảng khoảng 05m^2 đất ông lấn chiếm ao của xã với giá 4.000.000 đồng, việc chuyển nhượng hai bên chỉ nói miệng, không làm giấy tờ gì và cũng không báo cáo chính quyền, ông đề nghị hai bên tự giải quyết với nhau. Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông K vì ông đã được bố mẹ cho diện tích đất 659m^2, phần còn lại ông đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về phần công sức trông nom quản lý và tôn tạo đối với mảnh đất của cụ T cụ M ông đề nghị Tòa giải quyết theo quy định.

Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà trần Thị H trình bày: Năm 1990 khi bà về làm dâu thì chỉ có vợ chồng bà và Bà Ch ở trên đất cùng các cụ. Năm 1991 bố mẹ chồng cho vợ chồng bà diện tích đất 443m^2 đến năm 1997 ông Th đứng tên đất. Năm 1993, khi chia lại ruộng lúc đó đất ở của cụ T và cụ M bị thừa 216m^2 nên đã trừ vào ruộng tiêu chuẩn của ông Th 06 miếng. Lúc các cụ còn sống các cụ có tuyên bố cho Bà Ch phần đất của các cụ nếu Bà Ch không đi lấy chồng, còn nếu Bà Ch đi lấy chồng thì phần đất này cho vợ chồng bà. Qúa trình ở trên đất cùng các cụ vợ chồng bà có rất nhiều công sức tôn tạo và vượt lấn ao tập thể nên mới có mảnh đất như hiện nay. Bà đề nghị Tòa xem xét, giải quyết phần công sức của vợ chồng bà đối với mảnh đất của cụ T và cụ M theo quy định

Ông Hoàng Văn Đ trình bày: Cụ T và cụ M có mảnh đất khoảng 800m^2 ở thôn Gia Cốc, Quang Vinh, ông và ông Th cạp lấn thêm ra ao thì mới có diện tích

hơn 1000m^2 như hiện nay. Ngoài ra trên đất còn có một nhà cấp 4, công trình phụ và một số cây nhãn. Tuy nhiên ông Th đã tháo dỡ nhà và xây nhà mới, đồng thời chặt gần hết các cây nhãn. Khi các cụ còn sống, ông không thấy bố mẹ tuyên bố cho ai đất, ông chỉ nghe thấy ông K bảo bố mẹ cho ông Th 443m^2 đất. Việc tách đất cho ông Th năm 1997 ông không biết, cũng không có di chúc về việc này. Các anh chị em trong gia đình đi xây dựng gia đình và ở nơi khác chỉ có Bà Ch và vợ chồng ông Th ở trên đất cùng các cụ. Vợ chồng ông Th chỉ có công sức vượt lấp ao ngoài ra không có công sức gì khác. Phần đất gia đình ông đang ở được các cụ cho từ lâu để làm nơi thờ cúng không liên quan gì đến mảnh đất đang tranh chấp. Ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ T và cụ M, phần ông được hưởng ông tự nguyện cho ông K và ông N mỗi người một nửa, ông không có yêu cầu đề nghị gì về phần công sức. Do tuổi cao sức yếu nên ông không thể đi lại đến Tòa để tham gia tố tụng được, ông đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Ông Hoàng Xuân Ntrình bày: Bố mẹ ông có mảnh đất ở thôn Gia Cốc, Quang Vinh diện tích bao nhiêu ông không nắm được, trên đất có 03 gian nhà xây cấp 4 và 02 gian bếp, sau này ông Th đã phá dỡ nhà. Do ông đi công tác xa nên việc bố mẹ tuyên bố cho ai đất hay có chia tách phần đất nào cho ông Th hay chưa ông không biết vì ông không nghe thấy ai nói, cụ T và cụ M cũng không để lại di chúc thể hiện việc này. Các anh chị em đi xây dựng gia đình ở nơi khác chỉ có vợ chồng ông Th sinh sống trên đất cùng các cụ. Ông K khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ T và cụ M ông đề nghị Tòa xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật, phần di sản ông được chia ông sẽ nhận.

Bà Hoàng Thị Gắn trình bày: Bố mẹ bà có mảnh đất diện tích bao nhiêu bà không nắm được hiện nay do ông Th đang quản lý, sử dụng, trên đất có 03 gian nhà cấp 4 và công trình phụ, sau này ông Th đã phá dỡ nhà làm vườn. Qúa trình vợ chồng ông Th ở trên đất thì vợ chồng ông Th có tôn tạo nền cao hơn là cạp lấn thêm ra ao, ông Đ không có công sức gì đối với mảnh đất. Năm 1997, cụ T, cụ M có tách cho ông Th diện tích đất khoảng 400m^2, sau khi được bố mẹ cho đất thì vợ chồng ông Th mới tôn tạo phần đất này thành nền như bây giờ. Năm 2011 vợ chồng ông Th xây dựng nhà và công trình trên đất lúc đó cụ M còn sống và các anh chị em trong gia đình đều biết và không ai có ý kiến gì. Phần đất còn lại các cụ nói cho Bà Ch nếu Bà Ch không đi lấy chồng, còn nếu Bà Ch đi lấy chồng thì sẽ cho ông Th trông nom quản lý. Nếu Tòa chia thừa kế phần di sản của cụ T và cụ M, phần thừa kế bà được hưởng, bà tự nguyện cho ông Th cả. Bà không đồng ý với yêu cầu của ông K về việc đề nghị Tòa án chia thừa kế đối với diện tích đất 443m^2 đã tách cho ông Th vì cụ T và cụ M đã cho ông Th diện tích đất này rồi. Do công việc bận nên bà không có thời gian đến Tòa để tham gia tố tụng được, bà đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Bà Hoàng Thị Th trình bày: Lúc còn sống cụ T và cụ M có tài sản là mảnh đất diện tích 890m^2 tại thôn Gia Cốc, xã Quang Vinh, một ngôi nhà cấp 4 lợp dạ, sau đó ông Th đã phá dỡ nhà đó đi xây nhà mới. Lúc các cụ còn sống các cụ có nói miệng về việc cho ông Th và Bà Ch đất, cụ thể thế nào do ông Th và Bà Ch tự thỏa thuận. Sau khi các cụ mất toàn bộ đất đai do ông Th quản lý sử dụng, ông K khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là mảnh đất của cụ T và cụ M phần bà được bà cho ông Th và Bà Ch mỗi người một phần. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông K, đối với diện tích đất 443m^2 đã tách cho ông Th vì cụ T và cụ M đã cho ông Th và đã được thể hiện trên bản đồ.

Bà Hoàng Thị Ch trình bày: Cụ T và cụ M có mảnh đất diện tích khoảng 800m^2 ở thôn Gia Cốc, xã Quang Vinh do các cụ tự tạo dựng được. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, khoảng năm 2013 thì do nhà bị hư hỏng nên ông Th dỡ ngôi nhà đó và xây nhà mới. Thời điểm năm 1991, các cụ có cho ông Th một phần đất diện tích khoảng hơn 400m^2, cụ T có đề nghị UBND xã tách đất cho ông Th phần đất này. Phần đất còn lại các cụ sử dụng đến 1997 thì tuyên bố cho bà phần đất đứng tên các cụ. Việc cho đất các cụ chỉ nói bằng miệng có bà Th1, bà Gắn và vợ chồng ông Th chứng kiến. Trước đây các anh chị em xây dựng gia đình ở chỗ khác, chỉ có bà và vợ chồng ông Th ở với các cụ trên đất. Năm 2005 bà đi lấy chồng thì chỉ có vợ chồng ông Th ở trên đất cùng cụ M. Năm 2014 cụ M chết thì toàn bộ đất đai do vợ chồng ông Th quản lý sử dụng. Đất trước đây toàn ao thùng, bà, bà Gắn và vợ chồng ông Th có công sức rất lớn trong việc chở đất vượt lấp ao, tôn nền nên mới có mảnh đất như bây giờ. Ông K yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ M và cụ T, bà không nhất trí vì trước đây khi ông K ông Đ, ông N tạo dựng chỗ ở nơi khác đều được bố mẹ cho tiền, ai cũng có phận có phần. Hơn nữa phần đất hiện nay các cụ đã cho bà và ông Th rồi nên ông K không có quyền đòi chia. Phần thừa kế được hưởng bà sẽ nhận, đề nghị Tòa án chia đất cho bà để già về quê có chỗ ở.

- *Ông Hoàng Văn Tr và Bà Đặng Thị H trình bày:* Khoảng năm 2015, ông bà có mua của ông Th bà H diện tích đất ao khoảng 53m^2 với giá 15.000.000 đồng, sau khi mua đất ông bà tiến hành đổ cát làm chỗ thoát nước. Việc mua bán hai bên chỉ nói miệng với nhau, không làm giấy tờ gì. Đối với phần đất này ông bà đề nghị để hai gia đình tự giải quyết với nhau.

- *Ông Hoàng Văn Q trình bày:* Năm 2015, ông có mua của ông Th 05m^2 đất với giá 4.000.000đ, phần đất ông mua của ông Th là phần đất ao do ông Th lấn chiếm giáp với thửa đất cụ T tách cho ông Th, không liên quan gì đến thửa đất chia thừa kế của cụ T. Nếu có vướng mắc gì thì hai bên tự giải quyết, ông từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ủy ban nhân dân xã Quang V cung cấp: Việc tách đất cho ông Hoàng văn Th năm 1997, theo hồ sơ quản lý đất đai tại xã thì việc cụ T cụ M tách đất cho ông Th diện tích đất 443m^2 năm 1997 không có giấy tờ gì, việc tách đất chỉ thể hiện

trên bản đồ địa chính. Ai là người đề nghị việc tách đất thời điểm đó hiện nay xã không nắm được.

Theo bản đồ địa chính năm 2016 thì toàn bộ diện tích đất 1291m^2 tại thửa số 39 tờ bản đồ 13 đứng tên ông Hoàng văn Th, việc này là do khi đo đạc người sử dụng đất là ông Th tự kê khai với đoàn đo đạc, tránh trường hợp đất vô chủ, không có căn cứ pháp lý xác định ông Hoàng văn Th là chủ sử dụng hợp pháp toàn bộ diện tích đất ttrên.

Theo bản đồ địa chính năm 1997 thì thửa đất số 191 tờ bản đồ số 7 mang tên Hoàng Văn Thảo có diện tích 443m^2, còn thửa số 194 tờ bản đồ số 7 mang tên Hoàng Văn Tuyên có diện tích 675m^2. Năm 2016 khi tiến hành đo đạc đã gộp hai thửa đất vào làm một có tổng diện tích 1291m^2 mang tên ông Hoàng văn Th. Như vậy so với năm 1997 thì diện tích đất tăng 173m^2, đây là phần đất lấn chiếm nên UBND xã sẽ quản lý và sau này sẽ xem xét, giải quyết sau.

Xác minh với ông Phan Đình H: Năm 1993 ông làm trong Ban chia ruộng của địa phương, theo quy định hộ gia đình nào sử dụng đất ở vượt quá diện tích quy định thì sẽ bị trừ vào ruộng canh tác. Đất ở của cụ T cụ M lúc đó thừa 216m^2 nên bị trừ vào phần ruộng canh tác của ông Th là chủ hộ 216m^2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên đã quyết định: Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611,612,613, 614, 618, 623, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, 658, 660 và khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân K về việc đề nghị Tòa chia thừa kế đối với diện tích đất 443m^2 năm 1997 đã tách cho ông Th.

Xác định phần đất ABSMNOPQR diện tích 443m^2 thuộc một phần thửa đất số 39, tờ bản đồ 13 năm 2016 tại thôn Gia Cốc, xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên là của cụ T và cụ M đã cho ông Hoàng văn Th. Sau khi trừ diện tích 25,4m^2 làm lối đi chung còn lại diện tích 417,6m^2 giao cho gia đình ông Th quản lý, sử dụng cùng các công trình trên đất do ông Th, bà H xây dựng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân K về việc chia di sản thừa kế của cụ T và cụ M

Xác định di sản của cụ Hoàng Văn T và cụ Nguyễn Thị M là phần đất BCDEFGHIKLMS có diện tích 675m^2 thuộc một phần thửa đất số 39, tờ bản đồ 13

năm 2016 và 01 cây nhãn trên đất tại thôn Gia Cốc, xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, trị giá: 409.500.000 đồng

3. Lối đi chung: Để phần đất có diện tích 38,6m^2 làm lối đi chung và trích trả ông Th diện tích đất 25,4m^2 làm lối đi chung trên thửa đất cụ T, cụ M đã cho ông Th.

4. Chia di sản của cụ T và cụ M theo pháp luật, việc phân chia hiện vật như sau:

- Giao cho ông Hoàng văn Th phần đất BCDEXW có diện tích 155,54m^2 (Trong đó phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất 80,14m^2, công sức của vợ chồng bằng quyền sử dụng đất 50m^2, phần đất được trích trả khi lấy ra làm lối đi chung 25,4m^2) cùng khu chăn nuôi trên đất do vợ chồng ông Th, bà H xây dựng trị giá 93.324.000 đồng

- Giao cho Bà Hoàng Thị Th phần đất XEFV có diện tích 80,14m^2 trị giá 48.084.000 đồng.

- Giao cho Bà Hoàng Thị Ch phần đất VFGU có diện tích 80,14m^2 trị giá: 48.084.000 đồng.

- Giao cho bà Hoàng Thị Gắn phần đất UGHT có diện tích 80,14m^2 trên đất có 01 cây nhãn, trị giá 52.584.000 đồng.

- Giao cho ông Hoàng Xuân Nphần đất THIJ có diện tích 120,2m^2 trị giá 72.120.000 đồng

- Giao cho ông Hoàng Xuân K phần đất SJIKLM có diện tích 120,2m^2 trị giá 72.120.000 đồng

Việc phân chia có sơ đồ kèm theo

5. Trả chêch lệch tài sản: Bà Gắn có trách nhiệm trả cho ông K, ông N mỗi người số tiền 964.285 đồng, trả cho ông Th, bà Th1, Bà Ch mỗi người số tiền là 642.857 đồng.

Bản án còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn ông Hoàng Xuân K kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa: Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo không chấp nhận ông Th được quyền sử dụng đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và xác

định diện tích đất của bố mẹ theo hiện trạng xem xét thẩm định tại chỗ, không yêu cầu giải quyết đối với diện tích đất ông Th đã chuyển nhượng.

Bị đơn và người liên quan bà Gắn và bà Th1 đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K vì đất đã được bố, mẹ cho ông Th và Bà Ch.

Người liên quan ông N đề nghị ông và ông Th mỗi người được sử dụng diện tích đất 150m^2.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án huyện Ân Thi.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và đề nghị xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự đều công nhận tài sản chung của cụ Hoàng Văn T, chết năm 2000 và cụ Nguyễn Thị Mến, chết năm 2014 đều không có di chúc. Hai cụ không có con nuôi, con riêng và có bẩy con chung là ông Hoàng Văn Đ, Ông Hoàng Xuân N, ông Hoàng Xuân K, Bà Hoàng Thị Th, bà Hoàng Thị Gắn, Bà Hoàng Thị Ch và ông Hoàng văn Th. Tài sản chung của cụ T và cụ M là quyền sử dụng đất kê khai thửa số 39, tờ bản đồ số 13; địa chỉ thửa đất thôn Gia Cốc, xã Quang Vinh, huyện Ân thi, tỉnh Hưng Yên diện tích 1291m^2 có vị trí, kích thước và ranh giới theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và nhà xây trên đất hiện không còn. Sự thừa nhận của các đương sự phù hợp với cung cấp của Ủy ban nhân dân xã Quang Vinh nên theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

[3] Cụ T chết năm 2000, cụ Nguyễn Thị M chết năm 2014 nên pháp luật áp dụng chia thừa kế di sản của cụ T là Bộ luật Dân sự năm 1995, chia di sản của cụ M là Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên các quy định về thừa kế trong Bộ luật Dân sự năm 1995 và Bộ luật Dân sự năm 2005 tương tự quy định về thừa kế của

Bộ luật Dân sự năm 2015 nên theo Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 sẽ áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để chia thừa kế di sản của cụ T và cụ M.

[4] Tại phiên tòa các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết diện tích đất ông Th đã chuyển nhượng, phù hợp với cung cấp của Ủy ban nhân dân xã Quang Vinh quyền sử dụng đất ông Th đã chuyển nhượng có 02m^2 là đất thuộc quyền sử dụng của cụ T và cụ M, diện tích đất còn lại là thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã nên theo Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án chỉ xem xét trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

[5] Xét quyền sử dụng đất diện tích 443m^2 ông Th đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất thấy tại đơn khởi kiện và lời khai ban đầu ông K đã thừa nhận năm 1997 bố mẹ đã tách cho ông Th, việc này anh chị em không có ý kiến gì, nhất trí với quan điểm của bố mẹ tôi. Sự thừa nhận của ông K phù hợp với lời khai của bà Th1, bà Gắn và Bà Ch cùng thực tế sử dụng đất năm 2011 ông Th xây nhà trên diện tích đất, cụ M và các anh chị đều biết nhưng không phản đối đã có căn cứ xác định cụ T và cụ M đã tặng cho ông Th quyền sử dụng đất diện tích 443m^2 kê khai thửa số 191, tờ bản đồ số 7 đo đạc năm 1997, nay là một phần thửa đất số 39, tờ bản đồ số 13 đo đạc năm 2016 vị trí giáp đất bà Phạm Thị Cẩm, ông Nguyễn Văn Tài, đất thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Quang Vinh và quyền sử dụng đất của cụ T, cụ M.

[6] Ông Th không xuất trình được chứng cứ chứng minh bị trừ tiêu chuẩn ruộng nông nghiệp vào đất ở của cụ T và cụ M, thực tế năm 1997 ông Th mới kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất ở nên nếu có bị trừ đất nông nghiệp thì diện tích đất cũng thuộc quyền sử dụng đất đã được cụ T và cụ M tặng cho ông nên cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ T và cụ M là quyền sử dụng đất diện tích 675m^2 kê khai, đăng ký thửa số 39, tờ bản đồ số 13 đo đạc năm 2016 và 01 cây nhãn tổng giá trị 409.500.000 đồng là đúng pháp luật.

[7] Xét ông Th là người chăm sóc cụ T, cụ M và trực tiếp trông nom, quản lý di sản nên cấp sơ thẩm thanh toán công sức tôn tạo, quản lý di sản trả vợ chồng ông Th là có căn cứ. Cấp sơ thẩm tính công sức số tiền 30.000.000 đồng tương đương 50m^2 chưa bằng 1/10 giá trị di sản là chưa tương xứng với công sức tôn tạo, quản lý di sản và công chăm sóc nuôi dưỡng cụ T và cụ M tuy nhiên ông Th, bà H không kháng cáo nên không đặt ra để xem xét.

[8] Xét vị trí quyền sử dụng đất của cụ T và cụ M không có lối đi nên cấp sơ thẩm tách 25,4m^2 đất thuộc quyền sử dụng của ông Th và 38,6m^2 đất là di sản làm lối đi chung và trích thanh toán trả ông Th quyền sử dụng diện tích đất bằng diện tích đã tách làm lối đi chung là phù hợp thực tế. Do đó cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ T và cụ M giá trị 341.100.000 đồng là có căn cứ.

[9] Theo khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự cấp sơ thẩm chia di sản của cụ T và cụ M cho các đồng thừa kế của hai cụ kỷ phần bằng nhau là đúng pháp luật. Ông Đ nhường kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông K và ông N là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm giao ông K và ông N kỷ phần của ông Đ là phù hợp pháp luật.

[10] Các đương sự đều yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, yêu cầu của các đương sự phù hợp khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự và thực tế di sản nên cấp sơ thẩm chia thừa kế là quyền sử dụng đất giá trị bằng kỷ phần thừa kế được hưởng và buộc đương sự thanh toán chênh lệch bằng tiền là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự.

[11] Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, ông K yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ T và cụ M là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và giải quyết triệt để vụ án do đó cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết các ý kiến của ông K về tài sản của cụ T và cụ M hiện không còn là có căn cứ.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết đúng trình tự quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự, tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K.

[12] Án phí và chi phí tố tụng: Xét đơn xin miễn án phí của ông K và ông Đ được ông K giao nộp sau khi Hội đồng xét xử nghị án nên không có căn cứ chấp nhận. Kháng cáo không được chấp nhận nên ông K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không nhận chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Xuân K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Chi phí tố tụng: Ông Hoàng Xuân K phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ lại nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 5.000.000 đồng đã nộp ngày 20 tháng 12 năm 2022, ông K đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ lại.

Án phí: Ông Hoàng Xuân K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số

0004096 ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi, ông K đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đông xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *TAND huyện Ân Thi;*
- *Chi cục THADS huyện Ân Thi;*
- *Lưu: VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quang Tú